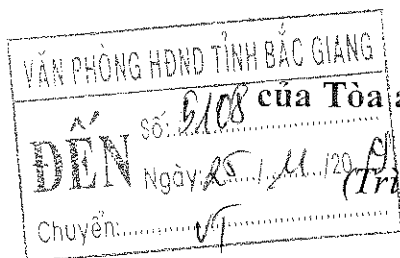


Số: 457/BC-TA

Bắc Giang, ngày 21 tháng 11 năm 2019



BÁO CÁO

án nhân dân tỉnh Bắc Giang về kết quả công tác năm 2019;
nhiệm vụ trọng tâm công tác năm 2020
(Trình tại Kỳ họp thứ 9, Hội đồng nhân dân tỉnh khóa XVIII)

Căn cứ Luật Tổ chức Toà án nhân dân năm 2014; Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2015 và Chương trình Kỳ họp thứ 9 của Hội đồng nhân dân tỉnh khóa XVIII; Toà án nhân dân tỉnh Bắc Giang báo cáo về kết quả công tác năm 2019 và nhiệm vụ trọng tâm công tác năm 2020, như sau:

A. TÌNH HÌNH THỰC HIỆN CÁC NHIỆM VỤ CÔNG TÁC

Năm 2019, Toà án nhân dân hai cấp tỉnh Bắc Giang triển khai thực hiện các nhiệm vụ trọng tâm công tác trong tình hình thụ lý các loại tội phạm và các tranh chấp dân sự vẫn gia tăng, các khiếu kiện hành chính tuy giảm về số vụ nhưng vẫn xảy ra nhiều; trong điều kiện số lượng cán bộ công chức không được tăng mà còn phải thực hiện nghiêm túc các chủ trương, Nghị quyết của Đảng về tinh giản biên chế. Để thực hiện các yêu cầu, nhiệm vụ đặt ra, ngay từ đầu năm Ban cán sự đảng, lãnh đạo Toà án nhân dân tỉnh đã ban hành Nghị quyết để lãnh đạo, chỉ đạo hoạt động của Toà án hai cấp¹. Chỉ đạo tập trung thực hiện các giải pháp đó là: (1) Đổi mới tổ chức phiên tòa theo tinh thần cải cách tư pháp; (2) Nâng cao chất lượng bản án, quyết định của Tòa án; (3) Tăng cường công tác kiểm tra thường xuyên, đột xuất; tập trung chỉ đạo giải quyết dứt điểm các vụ án tạm đình chỉ không có căn cứ đưa ra giải quyết; các vụ án dân sự, kinh doanh thương mại kéo dài; các bản án tuyên không rõ, khó thi hành; (4) Nâng cao chất lượng đội ngũ Thẩm phán Tòa án nhân dân hai cấp; tổ chức các phiên tòa rút kinh nghiệm để các Thẩm phán nâng cao tinh thần trách nhiệm, tích lũy kiến thức, kinh nghiệm xét xử². Do đó, năm 2019 các nhiệm vụ trọng tâm công tác Tòa án tiếp tục được triển khai, thực hiện có hiệu quả, kết quả cụ thể như sau:

I. KẾT QUẢ CÔNG TÁC NĂM 2019

1. Công tác giải quyết, xét xử các loại vụ việc

Toà án hai cấp thụ lý 7.833 vụ, việc (tăng 103 vụ so với cùng kỳ năm 2018). Đã giải quyết 6.374 vụ, việc đạt tỷ lệ 81,37%. Còn lại 1.459 vụ án đang giải quyết theo quy định của pháp luật, trong đó:

¹ Nghị quyết số 01-NQ/BCS ngày 21/01/2019 về lãnh đạo, chỉ đạo việc triển khai thực hiện các nhiệm vụ trọng tâm công tác năm 2019 của Tòa án nhân dân hai cấp; các Kế hoạch, Văn bản chỉ đạo thực hiện nhiệm vụ...

² 14 nhóm giải pháp được xác định tại Hội nghị Sơ kết việc triển khai thực hiện nâng cao chất lượng công tác xét xử theo tinh thần Kết luận số 92-KL/TW về tiếp tục thực hiện Nghị quyết số 49-NQ/TW của Bộ Chính trị. Năm 2019 yêu cầu mỗi Thẩm phán phải đăng ký thực hiện ít nhất 01 phiên tòa để tổ chức rút kinh nghiệm chung trong cơ quan, đơn vị.

1.1 Ân hình sự: thụ lý 1.297 vụ/2.318 bị cáo (tăng 139 vụ và 321 bị cáo so với cùng kỳ năm 2018). Đã giải quyết 1.110 vụ/1.926 bị cáo, đạt tỷ lệ 85,58%.

Án sơ thẩm: Thụ lý 986 vụ/1.829 bị cáo³, giải quyết 840 vụ/1.509 bị cáo⁴, đạt tỷ lệ 85,19%. Trong đó: đình chỉ 11 vụ/20 bị cáo, xét xử 829 vụ/1.489 bị cáo. Kết quả xét xử: Tử hình 3 bị cáo, tù chung thân 7 bị cáo, phạt tù giam 1.039 bị cáo, phạt tù không cho hưởng án treo 426 bị cáo, cải tạo không giam giữ 6 bị cáo, phạt tiền là hình phạt chính 8 bị cáo.

Án phúc thẩm: Thụ lý 311 vụ⁵/489 bị cáo, đã giải quyết 270 vụ/417 bị cáo, đạt tỷ lệ 86,82%. Trong đó: đình chỉ xét xử phúc thẩm 120 vụ/168 bị cáo, xét xử 150 vụ/249 bị cáo. Kết quả xét xử: Y án 83 vụ/135 bị cáo; hủy án 5 vụ/5 bị cáo⁶; sửa án 62 vụ/109 bị cáo⁷.

1.2 Ân dân sự, hôn nhân và gia đình: thụ lý 6.240 vụ, việc (tăng 163 vụ, việc so với cùng kỳ năm 2018). Đã giải quyết 5.028 vụ, việc, đạt tỷ lệ 80,58%.

Án sơ thẩm: Thụ lý 5.977 vụ, việc; đã giải quyết 4.818 vụ, việc; đạt tỷ lệ 80,61%. Trong đó: xét xử 1.019 vụ, việc; công nhận thuận tình ly hôn 2.541 vụ việc; đình chỉ 1.064 vụ, việc; tạm đình chỉ 35 vụ việc⁸, giải quyết việc dân sự 144 việc; chuyển hồ sơ vụ án theo thẩm quyền 15 vụ, việc.

Án phúc thẩm: Thụ lý 263 vụ⁹, đã giải quyết 210 vụ, đạt tỷ lệ 79,85%. Trong đó: đình chỉ xét xử 44 vụ¹⁰; xét xử 166 vụ, kết quả xét xử: Y án 100 vụ; hủy án 18 vụ¹¹; sửa án 48 vụ¹².

³ Đã trả hồ sơ để Viện kiểm sát điều tra bổ sung 27 vụ (giảm 11 vụ so với năm 2018). VKS 12 vụ, CQĐT 15 vụ. Giải quyết 11 vụ/15 bị cáo về án tham nhũng (tăng 1 vụ, giảm 2 bị cáo với năm 2018), đã xét xử 8 vụ/10 bị cáo (phạt tù chung thân 1 bị cáo, phạt tù giam 7 bị cáo, 2 bị cáo phạt tù cho hưởng án treo), trả hồ sơ 2 vụ/3 bị cáo.

⁴ Án có kháng cáo, kháng nghị chuyên TAND cấp cao xét xử phúc thẩm 29 vụ/37 bị cáo (kháng nghị 4 vụ, kháng cáo 25 vụ). Đã giải quyết 16 vụ/30 bị cáo (xét xử 12 vụ/26 bị cáo, đình chỉ xét xử 4 vụ/4 bị cáo). Kết quả xét xử: Y án 3 vụ/12 bị cáo; sửa án 7 vụ/10 bị cáo do có tình tiết mới trong quá trình xét xử phúc thẩm (người bị hại xin giảm nhẹ hình phạt, các bị cáo bồi thường, khắc phục hậu quả, nộp tiền phạt, thu lợi bất chính, ...); hủy án 2 vụ/4 bị cáo do nguyên nhân khách quan (vụ Đặng Thị Việt Hà tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản" và Vụ Nguyễn Thị Kha "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản" 2 vụ án này Tòa án đã trả hồ sơ cho cơ quan điều tra để điều tra bổ sung do xác định có đồng phạm khác, tuy nhiên CQĐT, VKS giữ nguyên quan điểm).

⁵ Kháng cáo 305 vụ, kháng nghị 6 vụ (chấp nhận kháng nghị).

⁶ Trong đó: có 2 vụ hủy án do nguyên nhân khách quan (Vụ Hoàng Văn Thế tội "Cố ý gây thương tích" (Yên Thế) – cấp phúc thẩm hủy đình chỉ do bị hại rút đơn yêu cầu; vụ Hà Văn Lệ tội "Cố ý gây thương tích" (lạng Giang) hủy để xem xét, xử lý thêm (tại cấp sơ thẩm đã trả hồ sơ cho cơ quan điều tra); 3 vụ hủy án do lỗi chủ quan đánh giá chứng cứ chưa đầy đủ.

⁷ Trong đó: 14 vụ sửa án do lỗi chủ quan (do cấp sơ thẩm đánh giá tính chất, mức độ hành vi phạm tội và hình phạt chưa tương xứng, áp dụng thiếu tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ...); 48 vụ sửa án do nguyên nhân khách quan (có tình tiết mới trong quá trình xét xử phúc thẩm: người bị hại xin giảm nhẹ hình phạt, các bị cáo bồi thường, khắc phục hậu quả, nộp tiền phạt, thu lợi bất chính, ...)

⁸ Đình chỉ sơ thẩm: do người khởi kiện rút đơn khởi kiện hoặc có vụ án do các đương sự đã tự thỏa thuận và không yêu cầu Tòa án giải quyết. Các vụ án Tạm đình chỉ do đương sự có đơn xin TDC để tự thỏa thuận, giải quyết hoặc chờ kết quả của cơ quan khác giải quyết trước.

⁹ Kháng cáo 226 vụ, kháng nghị 37 (chấp nhận kháng nghị 21 vụ, không chấp nhận kháng nghị 1 vụ, còn lại 15 đang tiếp tục giải quyết)

¹⁰ Các trường hợp Đình chỉ: do đương sự rút kháng cáo.

¹¹ Trong đó: 4 vụ hủy do nguyên nhân khách quan (do vi phạm thẩm quyền - đương sự ở nước ngoài, do có tình tiết mới, tại cấp phúc thẩm đương sự thay đổi yêu cầu...); 14 vụ hủy do lỗi chủ quan (vi phạm tố tụng: đưa thiếu người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, xác minh thu thập chứng cứ không đầy đủ, bỏ lọt yêu cầu của đương sự..)

¹² Trong đó: 15 vụ sửa án do nguyên nhân khách quan (do có tình tiết mới tại cấp phúc thẩm); 33 vụ sửa án do lỗi chủ quan (vi phạm tố tụng xác minh thu thập, đánh giá chứng cứ không đầy đủ).

1.3 Án kinh doanh thương mại, lao động: thụ lý 155 vụ, việc (giảm 8 vụ so với cùng kỳ năm 2018)¹³. Đã giải quyết 115 vụ, việc, đạt tỷ lệ 74,19%.

Án sơ thẩm: Thụ lý 135 vụ; đã giải quyết 100 vụ; đạt tỷ lệ 74,07%. Trong đó: xét xử 45 vụ; công nhận thỏa thuận 28 vụ; đình chỉ, tạm đình chỉ 27.

Án phúc thẩm: Thụ lý 20 vụ¹⁴, đã giải quyết 15 vụ, đạt tỷ lệ 75%. Trong đó: đình chỉ 5 vụ; xét xử 10 vụ, kết quả xét xử: Y án 7 vụ; sửa án 3 vụ¹⁵.

1.4 Án hành chính: thụ lý 141 vụ (giảm 191 vụ so với cùng kỳ năm 2018)¹⁶. Đã giải quyết 121 vụ, đạt tỷ lệ 85,81%.

Án sơ thẩm: Thụ lý 139 vụ, đã giải quyết 120 vụ, đạt tỷ lệ 86,33%. Trong đó: Xét xử 38 vụ, đình chỉ, tạm đình chỉ 81 vụ, chuyển hồ sơ theo thẩm quyền 1 vụ.

Án phúc thẩm: Thụ lý 2 vụ¹⁷. Đã giải quyết 1 vụ (đình chỉ), đạt tỷ lệ 50%.

2. Việc áp dụng các biện pháp xử lý hành chính

Tòa án hai cấp đã thụ lý 144 hồ sơ đề nghị áp dụng các biện pháp xử lý hành chính (tăng 47 đối tượng so với năm 2018), đã giải quyết 143 hồ sơ, tỷ lệ giải quyết đạt 99,31%. Kết quả giải quyết: đình chỉ 10 trường hợp, đưa vào Trường giáo dưỡng 2 trường hợp; đưa vào Cơ sở cai nghiện bắt buộc 121 trường hợp, đưa vào cơ sở giáo dục bắt buộc 10 trường hợp.

3. Công tác Thi hành án hình sự

Tòa án hai cấp đã ra quyết định thi hành án 1.557 bị án (trong đó: ra quyết định thi hành án tử hình 1 bị án¹⁸, tù chung thân 5 bị án, tù giam 956 bị án, phạt tù cho hưởng án treo 420 bị án, cải tạo không giam giữ 6 bị án, uỷ thác thi hành án 169 bị án). Tạm đình chỉ thi hành án: 4 bị án, hoãn thi hành án 32 bị án (do bị án là lao động duy nhất, có thai và nuôi con nhỏ dưới 36 tháng tuổi, bị bệnh hiểm nghèo, HIV/AIDS ở giai đoạn cuối...). Đình chỉ thi hành án 2 bị án¹⁹. Miễn chấp hành hình phạt 2 bị án²⁰.

Tổ chức phiên họp xét giảm thời hạn chấp hành hình phạt tù cho 3.169 phạm nhân theo đề nghị của Trại giam Ngọc Lý – Tổng cục VIII Bộ Công an và Trại tạm giam Công an tỉnh Bắc Giang. Xét tha tù trước thời hạn có điều kiện 41 phạm nhân.

4. Công tác kiểm tra nghiệp vụ

¹³ Án Kinh doanh thương mại giảm (chủ yếu do tình hình thực tế hiện nay hiểu biết pháp luật của người dân nâng cao nên các giao dịch hợp đồng chặt chẽ hơn, các tranh chấp về Hợp đồng tín dụng giảm).

¹⁴ Kháng nghị 2 (chấp nhận), kháng cáo 18 vụ.

¹⁵ Do lỗi chủ quan 2 vụ, 1 vụ có tình tiết mới trong quá trình xét xử phúc thẩm.

¹⁶ Án Hành chính giảm 191 vụ (chủ yếu do năm 2018 tăng đột biến nhóm khởi kiện Quyết định hành chính về việc giao đất rừng Yên Thế khởi kiện đồng loạt 192 vụ. So với tình hình chung các vụ án khởi kiện hành chính đơn lẻ không giảm mà vẫn có xu hướng tăng nhiều);

¹⁷ Kháng cáo 2 vụ.

¹⁸ Có kế hoạch tổ chức thi hành án trong tháng 12/2019

¹⁹ 01 bị án chết do bị án bị chết, 01 bị án hết thời hiệu thi hành án.

²⁰ 01 bị án mắc bệnh: Viêm gan vi rút B,C mạn, biến chứng xơ gan, có dịch cổ trướng, tiên lượng xấu; 01 bị án mắc bệnh: HIV/AIDS giai đoạn IV, tiên lượng xấu.

Triển khai thực hiện nghiêm Quy chế kiểm tra trong Tòa án nhân dân. Trong năm, Tòa án tỉnh đã tiến hành kiểm tra theo kế hoạch đối với 9 đơn vị Tòa án cấp huyện với tổng số hồ sơ được kiểm tra là 6.390 hồ sơ các loại²¹; kiểm tra đột xuất 01 đơn vị và kiểm tra thanh tra công vụ 01 đơn vị Tòa án cấp huyện.

Qua công tác kiểm tra về cơ bản các đơn vị đảm bảo về tiến độ, chất lượng công tác, công tác xét xử giải quyết các loại án cơ bản đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ. Đối với những thiếu sót, hạn chế, vi phạm tổ tụng như: Việc nhận và xử lý đơn khởi kiện, việc hoãn phiên tòa không đúng, thu thập chứng cứ, xây dựng hồ sơ, kéo dài vụ án dân sự... đã được chỉ đạo khắc phục.

5. Công tác giải quyết đơn khiếu nại, tố cáo

Tòa án hai cấp thực hiện nghiêm việc tiếp công dân, hàng tháng niêm yết công khai lịch tiếp dân của lãnh đạo đơn vị. Trong năm, Tòa án hai cấp đã tổ chức tiếp 256 lượt người đến khiếu nại tố cáo, tiếp nhận 331 đơn khiếu nại, tố cáo, kiến nghị. Tổng số đơn thụ lý thuộc thẩm quyền là 94 đơn (29 đơn tố cáo, 65 đơn khiếu nại)²². Đã giải quyết 86 đơn, đạt tỷ lệ 91,49%. Tất cả các đơn khiếu nại, tố cáo đều được xử lý kịp thời, đúng quy định pháp luật, không có đơn phức tạp, kéo dài.

6. Công tác tổ chức cán bộ, Hội thẩm nhân dân và công tác khác

Công tác tổ chức cán bộ: Thực hiện tốt công tác rà soát quy hoạch, bổ nhiệm cán bộ lãnh đạo quản lý Tòa án tỉnh và Tòa án các huyện, thành phố theo quy định. Thực hiện nghiêm Nghị quyết số 39-NQ/TW ngày 17/4/2015 của Bộ Chính trị và Kế hoạch số 458-KH/BCS ngày 26/5/2017 của Ban cán sự đảng Tòa án nhân dân tối cao về tinh giản biên chế và cơ cấu lại đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức. Tính đến nay, Tòa án hai cấp tỉnh Bắc Giang đã tinh giản 22 biên chế, vượt chỉ tiêu so với kế hoạch đề ra (bằng 22/211 đồng chí²³).

Trong năm 2019 đã luân chuyển 03 cán bộ lãnh đạo, quản lý; điều động 01 cán bộ công chức. Tiếp tục biệt phái Thẩm phán trung cấp hiện là Chánh án, Phó Chánh án Tòa án nhân dân cấp huyện và Thư ký làm công tác xét xử các loại án của Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang; bổ nhiệm mới, bổ nhiệm lại 11 chức danh lãnh đạo, quản lý, kéo dài thời gian giữ chức vụ lãnh đạo cho 02 đồng chí Trưởng phòng. Ra quyết định cho thôi việc 01 cán bộ công chức, 03 cán bộ

²¹ 497 hồ sơ án hình sự, 978 hồ sơ án dân sự, 3.063 hồ sơ án hôn nhân và gia đình, 4 hồ sơ án lao động, 74 hồ sơ án kinh doanh thương mại, 5 hồ sơ án hành chính, 1.581 hồ sơ thi hành án, 65 hồ sơ khiếu nại, tố cáo, 123 hồ sơ áp dụng biện pháp xử lý hành chính.

²² 61 đơn khiếu nại đã giải quyết chủ yếu là khiếu nại bản án, quyết định đã có hiệu lực pháp luật của Tòa án cấp sơ thẩm; khiếu nại về việc trả lại đơn khởi kiện về lĩnh vực giải quyết hành chính của chính quyền cơ sở thuộc thẩm quyền của Tòa án (khiếu nại đúng 6 đơn, khiếu nại đúng một phần 6 đơn, khiếu nại không có căn cứ 49); 25 đơn tố cáo đã giải quyết: nội dung liên quan đến tố cáo Thẩm phán, Thư ký không thực hiện đúng các thủ tục tố tụng, Tòa án đã điều tra, xác minh tư lờ đương sự (25 đơn tố cáo đều không đúng).

²³ Tại Nghị quyết số 473a/NQ-UBTVQH13 ngày 28-3-2012 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về tổng biên chế và số lượng Thẩm phán, cán bộ, công chức của Tòa án nhân dân hai cấp tỉnh Bắc Giang được phân bổ 211 người. Biên chế TAND hai cấp tỉnh Bắc Giang hiện nay là 189/211 cán bộ, công chức (01 Thẩm phán cao cấp, 28 Thẩm phán trung cấp, 47 Thẩm phán sơ cấp, 18 Thẩm tra viên, 77 Thư ký, 03 chuyên viên, 15 chức danh khác).

công chức chuyên công tác, 03 cán bộ công chức nghỉ hưu theo Nghị định số 108/2014/NĐ-CP ngày 20/11/2014 của Chính phủ về chính sách tính giảm biên chế. Cử 19 đồng chí đi học các lớp đào tạo nâng cao nghiệp vụ xét xử, cao cấp chính trị, trung cấp chính trị, nghiệp vụ Thẩm tra viên, học Thạc sỹ Luật,...

Việc bổ nhiệm, quy hoạch, cử đi học được đưa ra bàn bạc dân chủ, khách quan, đảm bảo theo đúng tiêu chí, tiêu chuẩn quy định.

Công tác Hội thẩm nhân dân: Tòa án nhân dân hai cấp phối hợp với các Đoàn Hội thẩm hoạt động xét xử đảm bảo quy định của pháp luật. Tòa án tạo mọi điều kiện thuận lợi cho các Đoàn Hội thẩm hoạt động; trang bị trang phục, tài liệu, sổ sách đầy đủ. Tổ chức các đợt tập huấn chuyên môn, nghiệp vụ; rút kinh nghiệm trong công tác xét xử đối với HTND hai cấp nhằm nâng cao chất lượng, vai trò của HTND trong công tác xét xử tại Tòa án.

Công tác tập huấn: Cử nhiều đợt Thẩm phán đi tập huấn nghiệp vụ do TAND tối cao tổ chức; tổ chức 3 đợt tập huấn về chuyên môn nghiệp vụ cho Thẩm phán, Thẩm tra viên, Thư ký và Hội thẩm nhân dân; hàng tháng tổ chức duy trì nghiêm việc tổ chức cho cán bộ Thẩm phán, Thẩm tra viên, Thư ký dự tập huấn trực tuyến do Tòa án nhân dân tối cao tổ chức. Qua đó, cán bộ và HTND đã được trao đổi về kỹ năng xét xử và nắm bắt được những nội dung cơ bản của các bộ luật, luật mới có hiệu lực thi hành.

Công tác khác: Tổ chức các phiên tòa rút kinh nghiệm của Thẩm phán tại các đơn vị Tòa án hai cấp theo Hướng dẫn số 136/HD-TANDTC ngày 30/3/2017 của Tòa án nhân dân tối cao. Công bố 4.195 bản án (*tỉnh 307, huyện 3.888 bản án*) trên Cổng thông tin điện tử của Tòa án theo quy định tại Nghị quyết 03/NQ-HĐTP TAND tối cao. Duy trì hoạt động có hiệu quả hệ thống truyền hình trực tuyến và hệ thống camera giám sát phiên tòa trong tổ chức tập huấn nghiệp vụ và trao đổi rút kinh nghiệm trong công tác xét xử, góp phần nâng cao chất lượng tranh tụng tại phiên tòa theo tinh thần cải cách tư pháp. Triển khai hoạt động của Cổng thông tin điện tử Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang. Tổ chức cho cán bộ tập huấn phần mềm hệ thống gửi, nhận đơn khởi kiện, tài liệu, chứng cứ và cấp, tổng đạt, thông báo văn bản tố tụng bằng phương tiện điện tử; hệ thống đăng ký trực tuyến cấp sao, trích lục bản án, tài liệu trong hồ sơ vụ án của Tòa án nhân dân tối cao... Qua đó, nhằm từng bước đảm bảo công khai, minh bạch các hoạt động của Tòa án, tạo điều kiện thuận lợi cho người dân, cơ quan, tổ chức giám sát hoạt động xét xử của Tòa án và nâng cao chất lượng bản án theo tinh thần cải cách tư pháp.

II. ĐÁNH GIÁ CHUNG

1. Ưu điểm

Trong năm qua, mặc dù yêu cầu nhiệm vụ đặt ra cho Tòa án rất nặng nề nhưng hoạt động của Tòa án nhân dân hai cấp tiếp tục có những chuyển biến tích cực trên tất cả các mặt công tác, về cơ bản Tòa án hai cấp đã hoàn thành các yêu

cầu, chỉ tiêu mà các Nghị quyết của Quốc hội đề ra liên quan tới công tác giải quyết, xét xử các loại vụ án²⁴. Giải quyết, xét xử các loại án cơ bản đúng thời hạn luật định, không kết án oan, không bỏ lọt tội phạm; hình phạt áp dụng nghiêm, đáp ứng yêu cầu trong công tác đấu tranh và phòng chống tội phạm. Việc tranh tụng tại phiên tòa tiếp tục được đẩy mạnh theo tinh thần Nghị quyết 49 của Bộ Chính trị về cải cách tư pháp. Chất lượng bản án, quyết định được đảm bảo, bảo vệ được quyền, lợi ích hợp pháp của Nhà nước và công dân. Coi trọng công tác hòa giải trong giải quyết án Dân sự, Hôn nhân gia đình, Kinh doanh thương mại. Tăng cường đối thoại trong giải quyết các vụ án hành chính. Kết quả, Tòa án đã công nhận thỏa thuận và hòa giải thành 2.569 vụ/5.038 vụ, việc dân sự đã giải quyết, chiếm tỷ lệ 50,99%. Quá trình giải quyết các vụ án Tòa án phối hợp chặt chẽ với các cơ quan hữu quan, đặc biệt thực hiện có hiệu quả các quy chế phối hợp liên ngành²⁵. Phối hợp với Viện kiểm sát hai cấp tổ chức 151 phiên tòa rút kinh nghiệm án hình sự, 32 phiên tòa rút kinh nghiệm về án dân sự, 7 phiên tòa rút kinh nghiệm án hành chính, kinh doanh thương mại.

Tổ chức thực hiện nghiêm túc, có hiệu quả công tác cải cách hành chính tư pháp, công tác thi hành án hình sự; công tác kiểm tra nghiệp vụ và giải quyết đơn thư khiếu nại tố cáo; công tác tổ chức cán bộ, thanh tra và thi đua khen thưởng... về cơ bản cán bộ, công chức, người lao động Tòa án hai cấp chấp hành tốt nội quy, quy chế của ngành.

2. Tồn tại, hạn chế

Còn bản án bị hủy theo trình tự phúc thẩm: 23vụ/6374 vụ chiếm tỷ lệ 0,36% số vụ việc Tòa án hai cấp đã giải quyết (*trong đó hủy do lỗi chủ quan 17 vụ chiếm tỷ lệ 0,26%*); Án bị sửa 113 vụ/6374 vụ án đã giải quyết, chiếm tỷ lệ 1,7% (*trong đó sửa do lỗi chủ quan 49 vụ, chiếm tỷ lệ 0,76%*)²⁶. Vẫn còn tình trạng có đơn vị vi phạm thời hạn xử lý đơn khởi kiện; để án tồn đọng, kéo dài, Thẩm phán không tích cực thực hiện hoạt động tố tụng; vi phạm trong quá trình thu thập, đánh giá chứng cứ; vi phạm về căn cứ, điều kiện tạm đình chỉ vụ án...

3. Nguyên nhân của hạn chế, thiếu sót

Nguyên nhân chủ quan: Việc chỉ đạo điều hành của lãnh đạo một số Tòa án cấp huyện chưa thường xuyên, chưa sát sao trong công tác kiểm tra. Còn có Thẩm phán chưa tích cực nghiên cứu văn bản hướng dẫn pháp luật, chưa tích cực tiến hành tố tụng để giải quyết các vụ án theo đúng quy định.

²⁴ Nghị quyết 37/2012/QH13 về công tác phòng, chống vi phạm pháp luật và tội phạm, công tác của VKSND, của TAND và công tác thi hành án năm 2013; Nghị quyết 63/2013/QH13 về tăng cường các biện pháp đấu tranh, phòng, chống tội phạm; Nghị quyết 111/2015/QH13 về công tác phòng, chống vi phạm pháp luật và tội phạm, công tác của VKSND, của TAND và công tác thi hành án năm 2016 và các năm tiếp theo

²⁵ Các quy chế phối hợp liên ngành như: Quy chế phối hợp giữa Ủy ban nhân dân tỉnh, Tòa án nhân dân tỉnh và Viện kiểm sát nhân dân tỉnh trong giải quyết khiếu nại, tố cáo và giải quyết các vụ án hành chính, dân sự, kinh doanh thương mại; Quy chế phối hợp với Viện kiểm sát tỉnh trong việc quản lý, chỉ đạo, điều hành và giải quyết các vụ án hình sự, dân sự, hành chính, thi hành án hình sự và khiếu nại tố cáo về tư pháp...

²⁶ Tỷ lệ án bị hủy, sửa do lỗi chủ quan của Thẩm phán dưới giới hạn quy định của Tòa án tối cao (án hủy dưới 1,16%, án sửa dưới 4,20%) và thấp hơn năm 2018 (năm 2018 số án bị hủy 33 vụ).

Nguyên nhân khách quan:

Do số lượng các loại vụ án phải thụ lý, giải quyết tiếp tục có xu hướng gia tăng với tính chất ngày càng phức tạp; một số vụ án đương sự không hợp tác trong việc xác minh, thu thập chứng cứ dẫn đến kéo dài vụ án.

Trong công tác giải quyết án hành chính, dân sự có địa phương chấp hành chưa tốt việc cung cấp tài liệu chứng cứ, thể hiện quan điểm, tham gia đối thoại, phiên tòa²⁷.

Cơ sở vật chất, điều kiện phương tiện làm việc tuy có được đầu tư, xây dựng nhưng vẫn còn thiếu, chưa đáp ứng được với yêu cầu nhiệm vụ cải cách tư pháp. Bên cạnh đó, số lượng cán bộ công chức không được tăng mà còn phải thực hiện nghiêm túc các chủ trương, Nghị quyết của Đảng về tinh giản biên chế (theo phân bổ của Tòa án tối cao mỗi Thẩm phán giải quyết 6 vụ/tháng, thực tế hiện nay trung bình mỗi Thẩm phán phải giải quyết 9 vụ/tháng, có những đơn vị giải quyết 11 vụ, 12 vụ/tháng); trong khi đó, đội ngũ Thẩm phán tái nhiệm chậm, không được bổ sung kịp thời.

B. NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM CÔNG TÁC NĂM 2020

1. Triển khai thực hiện nghiêm túc Nghị quyết Đại hội đảng các cấp; các Nghị quyết của Đảng, Quốc hội; của Toà án nhân dân tối cao, Tỉnh ủy, HĐND tỉnh về công tác tư pháp và cải cách tư pháp, gắn việc thực hiện các nhiệm vụ công tác của Tòa án với việc thực hiện các yêu cầu của cải cách tư pháp.

Tích cực triển khai tổ chức thực hiện các nhiệm vụ trọng tâm công tác nhằm phục vụ cho đại hội Đảng các cấp, nhiệm kỳ 2020-2025.

2. Đẩy mạnh công tác giải quyết các loại án đạt và vượt chỉ tiêu thi đua đề ra. Đảm bảo 100% các vụ, việc phải được giải quyết trong thời hạn pháp luật quy định. Không để xảy ra việc xét xử oan sai hoặc bỏ lọt tội phạm. Làm tốt công tác hòa giải trong dân sự và đối thoại trong giải quyết các vụ án hành chính. Chú trọng phối hợp với Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp để tổ chức các phiên tòa rút kinh nghiệm. Hạn chế đến mức thấp nhất việc án tuyên không rõ ràng, gây khó khăn cho công tác thi hành án dân sự.

3. Tiếp tục củng cố, hoàn thiện bộ máy tổ chức, kiện toàn đủ cán bộ lãnh đạo, quản lý và các chức danh tư pháp của Tòa án hai cấp. Thực hiện tốt công tác điều động, luân chuyển, chuyển đổi vị trí công tác, sắp xếp cán bộ chuẩn bị nhân sự tham gia cấp ủy nhiệm kỳ 2020-2025.

²⁷ Theo thống kê của một số đơn vị: Tòa Hành chính TAND tỉnh: **UBND huyện Lục Nam 7 vụ:** vụ Ông Vi Văn Sĩ (không tham gia đối thoại, phiên tòa); vụ án ông Trịnh Hữu Kỳ (Chậm cung cấp tài liệu, chứng cứ, quan điểm, vắng mặt phiên đối thoại, phiên tòa lần 2); vụ ông Ngô Văn Nét (không tham gia phiên tòa); vụ Ông Nguyễn Đức Khuy (vắng mặt đối thoại, phiên tòa 2 lần)... **UBND huyện Tân Yên 2 vụ:** vụ ông Hoàng Anh Bình (chậm cung cấp tài liệu, chứng cứ, ý kiến, quan điểm); vụ Bà Nguyễn Thị Minh (vắng mặt cả 4 lần đối thoại)... TAND huyện Yên Dũng: **UBND huyện Yên Dũng có 3 vụ** cung cấp tài liệu chứng cứ chậm, muộn theo yêu cầu (các vụ tranh chấp về quyền sử dụng đất); TAND huyện Sơn Động: **UBND huyện Sơn Động có 8 vụ** cung cấp tài liệu chứng cứ chậm, muộn theo yêu cầu (các vụ tranh chấp về quyền sử dụng đất)...; TAND huyện Tân Yên: **UBND huyện Tân Yên có 11 vụ** không tham gia phiên (các vụ án tranh chấp về quyền sử dụng đất, chia thừa kế... một số vụ chậm cử người tham gia tố tụng);....

4. Tổ chức tập huấn, bồi dưỡng nghiệp vụ cho Hội thẩm nhân dân Tòa án hai cấp. Tăng cường công tác giáo dục chính trị tư tưởng cho đội ngũ cán bộ, công chức. Nâng cao bản lĩnh chính trị cho đội ngũ cán bộ, công chức. Thực hiện nghiêm túc Chỉ thị số 05-CT/TW của Bộ Chính trị về “Đẩy mạnh học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh”. Tổ chức tốt việc học tập, quán triệt và chủ động xây dựng kế hoạch nhằm thực hiện thắng lợi Nghị quyết TW4 (Khóa XII) “Tăng cường chỉnh đốn Đảng, ngăn chặn, đẩy lùi sự suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, những biểu hiện “tự diễn biến”, “tự chuyển hoá” trong nội bộ”.

Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang trân trọng báo cáo.

Nơi nhận:

- Thường trực Tỉnh uỷ;
 - Thường trực HĐND tỉnh;
 - Ban pháp chế HĐND tỉnh;
 - Đ/c Chánh án TAND tối cao;
 - Các Đại biểu HĐND tỉnh;
 - Các Đ/c lãnh đạo TAND tỉnh;
 - Các Ủy viên UBTP;
 - Lưu CVP, VT.
- } để b/c



Thân Văn Quang
Thân Văn Quang

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
TỈNH BẮC GIANG**

**Phụ lục thống kê
Kết quả công tác giải quyết các loại án
của TAND hai cấp tỉnh Bắc Giang năm 2019
(Số liệu từ 01/12/2018 – đến 31/10/2019)**

STT	Loại án	11 tháng năm 2018	11 tháng năm 2019	Tỷ lệ so sánh (%vụ)	Tỷ lệ gq (%vụ)
	Tổng thụ lý các loại án	7.730	7.833	1,33	
	Tổng giải quyết	6.373	6.374	0,02	81,37
I	Hình sự (ST+PT)				
	Tổng thụ lý (vụ/bị cáo)	1.158/1.997	1.297/2.318	12	
	Tổng giải quyết (vụ/bị cáo)	985/1.674	1.110/1.926	12,69	85,58
1	Hình sự sơ thẩm				
	Thụ lý (vụ/bị cáo)	890/1.561	986/1.829	10,79	
	Giải quyết (vụ/bị cáo)	751/1.292	840/1.509	11,85	85,19
a	Tỉnh thụ lý (vụ/bị cáo)	65/118	76/133	16,92	
	Giải quyết (vụ/bị cáo)	49/99	60/83	22,45	78,95
	<i>Trong đó:</i>				
	Xét xử (vụ/bị cáo)	49/99	60/83	22,45	
	<i>Hình phạt (bị cáo):</i>				
	Tử hình	5	3	-40	
	Chung thân	7	7	0	
	Giam	70	71	1,43	
	Treo	16	2	-87,50	
	Đình chỉ	1	0	-100	
b	Huyện thụ lý (vụ/bị cáo)	825/1.443	910/1.696	10,3	
	Giải quyết (vụ/bị cáo)	702/1.193	780/1.426	11,11	85,71
	<i>Trong đó:</i>				
	Xét xử (vụ/bị cáo)	698/1.187	769/1.406	10,17	
	Đình chỉ (vụ/bị cáo)	4/6	11/20	175	
	<i>Hình phạt (bị cáo):</i>				
	Giam	844	968	14,69	
	Treo	320	424	32,50	
	CT không giam giữ	8	6	-25	
	Phạt tiền là HP chính	14	8	-42,86	
	Đình chỉ	1	0	-100	
2	Hình sự phúc thẩm				
	Tỉnh thụ lý (vụ/bị cáo)	268/436	311/489	16,04	
	Giải quyết (vụ/bị cáo)	234/382	270/417	15,38	86,82
	<i>Trong đó:</i>				
	Xét xử (vụ/bị cáo)	150/249	150/249	0	
	Đình chỉ (vụ/bị cáo)	84/133	120/168	42,86	

	<i>Phân tích số vụ/ bị cáo xx:</i>				
	Y (vụ/bị cáo)	73/108	83/135	13,7	
	Sửa (vụ/bị cáo)	69/133	62/109	-10,14	
	Huỷ (vụ/bị cáo)	8/8	5/5	-37,5	
II	Dân sự + HNGĐ (ST+PT)				
	Tổng thụ lý (vụ)	6.077	6.240	2,68	
	Tổng giải quyết (vụ)	5.013	5.028	0,30	80,58
1	Sơ thẩm				
	Thụ lý	5.862	5.977 ¹	1,96	
	Giải quyết	4.832	4.818	-0,29	80,61
a	Tỉnh thụ lý	104	211 ²	102,88	
	Giải quyết	55	111	101,82	52,61
	<i>Trong đó:</i>				
	Xét xử	30	64	113,33	
	Công nhận thỏa thuận và Hòa giải thành	18	27	50	
	Đình chỉ	6	14	133,33	
	Chuyển hồ sơ	1	6	500	
b	Huyện thụ lý	5.758	5.766 ³	0,14	
	Giải quyết	4.777	4.707	-1,47	81,63
	<i>Trong đó:</i>				
	Xét xử	872	955	9,52	
	Công nhận thỏa thuận và Hòa giải thành	2.510	2.514	0,16	
	Đình chỉ – TĐC	1.125	1.085 ⁴	-3,56	
	Chuyển hồ sơ	11	9	-18,18	
	Giải quyết các loại việc	259	144	-44,40	
2	Phúc thẩm				
	Thụ lý	215	263 ⁵	22,33	
	Giải quyết	181	210	16,02	79,85
	<i>Trong đó:</i>				
	Xét xử	137	166	21,17	
	Đình chỉ	44	44	0	
	<i>Phân tích số vụ xét xử:</i>				
	Y (vụ)	59	100	69,49	
	Sửa (vụ)	56	48	-14,29	
	Huỷ (vụ)	22	18	-18,18	
III	Hành chính (ST+PT)				
	Tổng thụ lý (vụ)	332	141	-57,53	

¹ HNGĐ thụ lý 4.216 (đã giải quyết 3.651), DS thụ lý 1.612 (đã giải quyết 1.023), Việc DS thụ lý 149 (đã giải quyết 144)

² HNGĐ thụ lý 168 (đã giải quyết 94), DS thụ lý 43 (đã giải quyết 17)

³ HNGĐ thụ lý 4.048 (đã giải quyết 3.557), DS thụ lý 1.569 (đã giải quyết 1.006), Việc thụ lý 149 (đã giải quyết 144)

⁴ Đình chỉ 1.050, Tạm đình chỉ 35

⁵ HNGĐ thụ lý 68 (đã giải quyết 52), DS thụ lý 195 (đã giải quyết 158)

	Tổng giải quyết (vụ)	269	121	-55,02	85,81
1	Sơ thẩm				
	Thụ lý	327	139	-57,49	
	Giải quyết	264	120	-54,55	86,33
a	Tỉnh thụ lý	311	128	-58,84	
	Giải quyết	252	117	-53,57	91,4
	<i>Trong đó:</i>				
	Xét xử	24	37	54,17	
	Nhập vụ án	187		-100	
	Đình chỉ - TĐC	35	80	128,57	
	Công nhận thỏa thuận	6			
	Chuyển hồ sơ				
b	Huyện thụ lý	16	11	-31,25	
	Giải quyết	12	3	-75	27,27
	<i>Trong đó:</i>				
	Xét xử	1	1	0	
	Công nhận thỏa thuận và Hòa giải thành				
	Đình chỉ - TĐC	8	1	-87,50	
	Chuyển hồ sơ	3	1	-66,67	
2	Phúc thẩm				
	Thụ lý (vụ)	5	2	-60	
	Giải quyết (vụ)	5	1	-80	50
	<i>Trong đó:</i>				
	Xét xử	4		-100	
	Đình chỉ	1	1	0	
	<i>Phân tích số vụ xét xử:</i>				
	Y (vụ)	3	0	-100	
	Sửa (vụ)				
	Hủy (vụ)	1	0	-100	
IV	Kinh tế – LĐ (ST+PT)				
	Tổng thụ lý (vụ)	163	155	-4,91	
	Tổng giải quyết (vụ)	105	115	9,52	74,19
1	Sơ thẩm				
	Thụ lý	145	135 ⁶	-6,90	
	Giải quyết	95	100	5,26	74,07
a	Tỉnh thụ lý	14	12 ⁷	-14,29	
	Giải quyết	6	5	-16,67	41,66
	<i>Trong đó:</i>				
	Xét xử	5	3	-40	
	Nhập vụ án				
	Đình chỉ	1	1	0	
	Công nhận thỏa thuận		1	100	

⁶ KDTM thụ lý 135 (đã giải quyết 95), LĐ thụ lý 7 (đã giải quyết 5)

⁷ KDTM thụ lý 12 (đã giải quyết 5), LĐ thụ lý 0

	Chuyển hồ sơ				
b	Huyện thụ lý	131	123⁸	-6,11	
	Giải quyết	89	95	6,74	77,23
	Trong đó:				
	Xét xử	21	42	100	
	Công nhận thỏa thuận và Hòa giải thành	29	27	-6,90	
	Đình chỉ – TĐC	36	26	-27,78	
	Chuyển hồ sơ	3	0	-100	
2	Phúc thẩm				
	Thụ lý (vụ)	18	20⁹	11,11	
	Giải quyết (vụ)	10	15	50	75
	Trong đó:				
	Xét xử	8	10	25	
	Đình chỉ	2	5	150	
	Phân tích số vụ xét xử:				
	Y (vụ)	4	7	75	
	Sửa (vụ)	3	3	0	
	Hủy (vụ)	1	0	-100	

⁸ KDTM thụ lý 116 (đã giải quyết 90), LĐ thụ lý 7 (đã giải quyết 5)

⁹ KDTM thụ lý 19 (đã giải quyết 14), LĐ thụ lý 1 (đã giải quyết 1)